

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

**Medium**

# GUST081 S3

**Giày an toàn** thấp v ự ớ c **kéo khu** vự c **và tripguard**

$CO_2$ 9.51 kg

| | |
|---|---|
| Những vật liệu **cao** cấp hơn | Da Nappa Action |
| lót bên trong i **tái** chế lưới | |
| trong Đ ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế) | |
| iữa đế g | Thép |
| ngoài Đ | PU/Cao su |
| u Đứng đầ | Thép |
| i Loạ | S3 / SRC |
| Phạm **vi kích** thước | EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5<br>JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315 |
| ng lượng **thép** | 0.649 kg |
| ẩn **hiêu** chu | ASTM F2413:2018<br>EN ISO 20345:2011 |



WHT

**Giày Cho** Thủy Thủ **Đoàn**
Giày an toàn và ủng Shoes For Crews có thể khởi trên bề mặt nhẵn và nhiều **tính năng** khác.

**S3**
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có độ ẩm cao và nguy cơ thủng đế và nghiền nát bàn chân.

**Mũi giày an toàn** bằng **thép**
Giá đỡ bằng thép bảo vệ chân khỏi lăn hoặc rơ

iữa bằng **thép**
**thép**
đâm thủng được làm bằng thép không gỉ phủ và ngăn các xâm nhập từ đế ngoài.

**& nhiên**
ế ngoài có khả năng và nhiên dầu.

Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên cho các ứng dụng linh hoạt

SAFETY JOGGER WORKS

**HEAD-TO-TOE PROTECTION**

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

## Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố n g, Thự c phẩm & đ Ngành công n ghiệ p

ường: Môi t

rư ờn g môi khô, Bề mặt cự c mị n ờn, môi ẩm ư ớt

## Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách thích hợp. Không trên lò s

K

| | Sự miêu t ả | EN ISO 20345 | ết quả | đơn vị đo lường |
|---|---|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu cao cấp h ơn | **Da Nappa Action** | | | |
| | Top: khả năng thấm hút ẩm ban đầu | ? 0.8 | 2.25 | mg/cm/giờ |
| | Top: hi nuệ số ẩm ban đầu | ? 15 | 25 | mg/cm2 |
| ót bên trong | i tái ch ế | | | |
| | L ớp lót: thấm hút ẩm ban đầu | ? 2 | 67.6 | mg/cm/giờ |
| | lót: hi nuệ số ẩm ban đầu | ? 20 | 541 | mg/cm2 |
| rong Đ | ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế) | | | |
| | ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt ) (chu kỳ) | 25600/12800 | 25600/12800 | chu kỳ |
| goài Đ | **PU/Cao su** | | | |
| | Ch ố n trượt bề mặt (mài mòn) | ? 150 | 129 | mm |
| | a đế ngoài SRA gót chân | ? 0.28 | 0.39 | ma sát |
| | a đế ngoài SRA Phẳng t | ? 0.32 | 0.37 | ma sát |
| | a đế ngoài SRB gót chân | ? 0.13 | 0.29 | ma sát |
| | ặc đế ngoài SRB phẳng | ? 0.18 | 0.10 | ma sát |
| | ị ch ố Giá t tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | 32.8 | megaohm |
| | ị ESD Giá t | 0.1 - 100 | N/A | megaohm |
| | Hấp thụ năng l ượng gót chân củ | ? 20 | 25 | J |
| Đ ứ n g đầ | **Thép** | | | |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J) | N/A | N/A | mm |
| | Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN) | N/A | N/A | mm |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J) | ? 14 | 16.5 | mm |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN) | ? 14 | 16.5 | mm |

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày bảo hộ có thương hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

## hân sinh thái:

Đ

| | Sự miêu t ả | ết quả | đơn vị đo lường |
|---|---|---|---|
| i CO phát thả | | | |
| | V ật l iệu | 7.16 | kg |
| | Bao bì | 0.20 | kg |
| | ất Sản x u | 1.90 | kg |
| | Chuyên ch ở | 0.26 | kg |
| | | **9.51 kg CO2/**cặp | |

| | Sự miêu t ả | ết K quả |
|---|---|---|
| ệ vật l Tiệ ý tái ch ế | | |
| | Product | 7% |
| | Bao bì | 18% |

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.